TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trang;

2. Bà Đỗ Thị Hiên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thái H, sinh năm 1992 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ hiện nay: thôn T, xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Trần Thị L– Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Tạ Thị C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thái Hằng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 18/5/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại

gia đình nhà anh T tại thôn H, xã H, huyện Kiến Xương cuộc sống chung hạnh phúc. Quá trình chung sống, anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng giữa chị và bố mẹ anh T xảy ra mâu thuẫn nhiều lần liên quan đến việc mẹ anh T can thiệp quá sâu vào cuộc sống riêng của anh chị. Có nhiều lần chị và bố mẹ chồng xảy ra việc to tiếng cãi nhau. Vào khoảng tháng 11/2021, chị và bố mẹ chồng có xảy ra cãi vã, vì thế chị đã thu dọn đồ đạc chuyển về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị tại thôn T, xã H, huyện Kiến Xương. Nhiều lần anh T đến nhà bố mẹ đẻ chị để chơi với con nhưng và khuyên chị quay về đoàn tụ. Hiện nay chị xác định vì mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng đã diễn ra nhiều lần và không thể hòa giải được nên chị không thể quay về đoàn tụ cùng anh T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Hằng N, sinh ngày 02/01/2010, Nguyễn Đan L, sinh ngày 26/9/2011, Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/12/2020. Con Nguyễn Hằng N và Nguyễn Đan L đang sống cùng anh T, còn con Nguyễn Bảo A sống cùng với chị. Do con Nguyễn Bảo A vẫn còn nhỏ nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Con Nguyễn Hằng N và Nguyễn Đan L đều đã lớn, có suy nghĩ riêng nên chị tôn trọng nguyện vọng của các con. Trường hợp các con Ng và L muốn sống cùng với chị thì chị đồng ý, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Trường hợp 02 con muốn sống cùng anh T thì chị cũng nhất trí. Hiện chị làm công nhân tại công ty may V tại xã Thanh Tân, mức thu nhập hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 6.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H đã đăng ký kết hôn ngày 18/5/2009 tại UBND xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh tại thôn H, xã H. Quá trình chung sống, giữa anh với chị Hằng cũng như giữa chị Hằng với gia đình chồng không có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây, chị H có liên lạc qua zalo cùng một người đàn ông khác và mẹ đẻ anh có nhắc nhở, bản thân anh cùng gia đình anh vẫn mong muốn chị H quay lại đoàn tụ cùng chung sống cùng nuôi dạy chăm sóc các con chung. Từ khoảng tháng 11/2021, chị H xin phép về gia đình bố mẹ đẻ chị tại thôn Thượng Hòa, xã Hồng Thái chơi cùng với con thứ ba. Từ đó đến nay chị H không về nữa, anh và gia đình anh đã nhiều lần tìm gặp khuyên chị quay về đoàn tụ. Anh xác định giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì. Quan điểm của anh là mong muốn chị H quay lại đoàn tụ cùng anh nuôi dạy chăm sóc con chung.

Hiện nay anh T làm nghề chạm bạc đồng tại địa phương, thu nhập trung bình 4.500.000-5.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Anh và chị Hằng có 03 con chung là Nguyễn Hằng N, sinh ngày 02/01/2010, Nguyễn Đan L, sinh ngày 26/9/2011, Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/12/2020. 02 con N, L đang sống cùng anh, còn con An đang sống cùng chị H.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave α Biển kiểm soát 17B7-259.84. Ngoài ra anh chị không có tài sản chung nào khác, không có nợ chung, cũng không cho ai vay nợ.

Vì khi còn nhỏ anh bị bệnh sởi dẫn đến có khó khăn trong giao tiếp nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Quan hệ hôn nhân của chị H, anh Trinh là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Trên thực tế, chị H anh T không có mâu thuẫn gì, trong cuộc sống từ khi kết hôn đến nay anh Trinh luôn thương yêu chung thủy, quan tâm chăm sóc chị H và các con, anh T có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nguyện vọng các con chung của anh T chị H là cháu Nga, L mong muốn bố mẹ đoàn tụ. Trong sinh hoạt hằng ngày thì chị Hằng có mâu thuẫn với bà C mẹ đẻ anh T do đó nhắc nhở về việc chị H nhắn tin cho bạn. Căn cứ theo quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì giữa anh T và chị Hằng không có mâu thuẫn, không có căn cứ để cho ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

Biên bản xác minh ngày 19/5/2022, 06/7/2022 tại cơ sở thôn Hvà tại UBND xã H có nội dung:

Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thái H là công dân sinh sống tại thôn H, xã H. Quá trình chung sống sau khi kết hôn đến tháng 11/2021 thì vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 11/2021 thì chị H có dọn đồ đạc cá nhân cùng cháu thứ 3 Nguyễn Bảo A về nhà bố mẹ đẻ chị H tại thôn T, xã H ở từ đó đến nay. Anh T và bố mẹ đẻ anh Trinh ông Nguyễn Văn S và bà Tạ Thị C sang để tìm và động viên chị H trở về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nhưng chị H không về. Theo địa phương nắm bắt chị Hằng đi lao động tại công ty, do quan hệ xã hội nên có nhắn tin cho bạn dẫn đến bà C có nhắc nhở chị Hằng dẫn đến việc chị H mâu thuẫn với bà C và ông S. Anh T hiện đang làm nghề chạm bạc tại địa phương, có thu nhập còn cụ thể thu nhập là bao nhiêu địa phương không được biết.

Về con chung:Anh T chị H có 03 con chung là Nguyễn Hằng N, sinh ngày 02/01/2010, Nguyễn Đan L, sinh ngày 26/9/2011, Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/12/2020. Hiện cháu Ng và L đang ở cùng anh T, con A ở cùng chị H.

Quan điểm của địa phương về quan hệ hôn nhân của anh T, chị H không có mâu thuẫn gì lớn, anh T mong muốn chị H về chung sống, vợ chồng đoàn tụ

cùng nhau nuôi dạy con, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết, tạo điều kiện để anh T chị H trở về đoàn tụ nuôi dạy con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 19, Điều 23, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T. Về nuôi con chung và quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phạm Thị Thái H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thái H và anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/5/2009 tại UBND xã H, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh Trinh. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ cho thấy cuộc sống của anh chị hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Chị H xin ly hôn anh T nhưng bản thân chị cũng xác định giữa chị và anh T không có mâu thuẫn mà chỉ có mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ anh T. Trong cuộc sống hằng ngày anh T luôn thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng chia sẻ với chị Hằng, anh thiết tha mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng chăm sóc cho các con chung. Nguyện vọng các con chung của anh T chị H là Nguyễn Hằng N, Nguyễn Đan L mong muốn bố mẹ đoàn tụ. Như vậy việc chị H đưa ra lý do mâu thuẫn với bố mẹ anh T để xin ly hôn anh T là không có căn cứ; anh T tuy là người có khó khăn trong giao tiếp nhưng sống rất có trách nhiệm với gia đình, chăm chỉ, chịu khó làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, do còn tình cảm với chị H và mong muốn được cùng chị chăm sóc cho con, nên anh T đề nghị Tòa án xử bác đơn xin ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ là chính đáng. Xét thấy, giữa chị H và anh T không có mâu thuẫn mà chỉ

có mâu thuẫn giữa chị H và bố mẹ anh T, quan hệ hôn nhân của anh T và chị H chưa đến mức trầm trọng nên cần xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh T như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 19, Điều 23, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam.

[3] *Về quan hệ con chung và tài sản*: Do Tòa án không chấp nhận, bác đơn xin ly hôn của chị H, nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị Thái H và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, Điều 23, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thái H xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung và quan hệ tài sản: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thái H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 01/3/2022 sang thi hành án phí. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thái H có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/9/2022. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND huyện Kiến Xương;*
- *Chi cục THADS huyện Kiến Xương;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phan Anh Tuấn